

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 95/2023/HS-ST

Ngày 19/7/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hoan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đăng Khoa

Ông Nguyễn Tuấn Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đông Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Là - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 79/2023/TLST-HS ngày 19 tháng 6 năm 2023. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2023/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 6 năm 2023, đối với bị cáo:

Phạm Văn L, sinh ngày 04/7/1982; tại: Hưng Yên; Giới tính: Nam.

Đăng ký HKTT: Số nhà C P, phường A, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Nơi ở hiện tại: Số 4/453 Nguyễn Văn Linh, phường An Tảo, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do (Nhân viên bảo hiểm);

Con ông: Phạm Văn V. Con bà: Nguyễn Thị Đ.

Vợ: An Thu H. Có 02 con; Con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2011.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/9/2022; Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H, (có mặt).

* Bị hại:

- Tổng Công ty cổ phần B.

Địa chỉ: Tầng B, Tòa nhà T, A T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đức M - Giám đốc Công ty B1.

Địa chỉ: Số E N, phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên; Vắng mặt.

- Tổng Công ty cổ phần B2 (BSH).

Địa chỉ: Số H Bà T, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Tổng Trưởng S - Giám đốc Công ty B1; Vắng mặt.

Địa chỉ: Tầng G, Tòa nhà V, số E N, phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị An Thu H, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Số D N, phường A, thành phố H, tỉnh Hưng Yên; Có mặt.

* Người làm chứng:

- Chị Bùi Thị P (Phụ trách kế toán). Địa chỉ: Công ty B1, Tầng G, Tòa nhà V, số E N, phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

- Chị Trần Thị O, sinh năm 1981;

- Chị Vũ Thị T, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Công ty B1. Số E N, phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn L là nhân viên kinh doanh của Trung tâm K, nay là Công ty B1, thuộc Tổng Công ty cổ phần B2 (BSH) theo Hợp đồng lao động từ ngày 10/4/2019 đến ngày 20/7/2020 và Công ty B1, địa chỉ: Số E N, phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên, từ ngày 22/7/2020 đến tháng 8/2022.

Trong thời gian thực hiện công việc kinh doanh tại 02 Công ty trên, L đã có hành vi bán và thu tiền bảo hiểm của các khách hàng nhưng không nộp đầy đủ về các Công ty mà chiếm đoạt một phần để tiêu xài cá nhân. Cụ thể như sau:

1. Hành vi tham ô tài sản tại Công ty B1:

Trong thời gian từ ngày 10/4/2019 đến ngày 20/7/2020, L được Công ty B1 giao nhiệm vụ thực hiện công việc kinh doanh, tìm kiếm khách hàng bán các loại bảo hiểm phi nhân thọ của Tổng công ty B3, thu tiền của khách hàng và nộp về Công ty theo quy định. Lượng được hưởng chiết khấu doanh thu từ việc bán các loại bảo hiểm trên cho khách hàng, trong đó: Bảo hiểm Trách nhiệm dân sự (viết tắt TNDS) xe máy 71%; Bảo hiểm TNDS xe ô tô 31%; Bảo hiểm vật chất xe ô tô 20%. Theo quy chế của Tổng công ty B3 về thời hạn nộp phí bảo hiểm chậm nhất là 7 ngày với khách hàng cá nhân, 30 ngày đối với khách hàng là tổ chức, kể từ ngày cấp hợp đồng bảo hiểm cho khách hàng, nhân viên kinh doanh phải nộp tiền phí bảo hiểm và các giấy tờ có liên quan về bộ phận kế toán của công ty để thanh toán phí, trừ công nợ. Từ tháng 10/2019 đến tháng 8/2020, L đã nhận các ấn chỉ (*Còn gọi là phôi Giấy chứng nhận*) bảo hiểm từ Trung tâm K và thực hiện công việc kinh doanh. Đã phát sinh tổng doanh số bán bảo hiểm là 1.588.446.460 đồng. Theo quy định của Công ty, sau khi trừ chiết khấu và tiền thưởng 693.464.318 đồng, L phải nộp về công ty số tiền là 894.982.142 đồng.

Tuy nhiên, thực tế L chỉ nộp về Công ty số tiền 607.219.029 đồng, còn 287.763.113 đồng không nộp mà sử dụng tiêu xài cá nhân.

2. Hành vi tham ô tài sản tại Công ty B1:

Thời gian từ ngày 22/7/2020 đến tháng 8/2022, L được Công ty B1 giao nhiệm vụ nhận các Giấy chứng nhận (*còn gọi là các ấn chỉ*) bảo hiểm từ Công ty. Khi có khách hàng mua bảo hiểm, Lượng thu phí rồi báo phát sinh trên hệ thống quản lý của Công ty, sau đó nộp tiền phí bảo hiểm và Giấy chứng nhận bảo hiểm (Liên gốc) đã bán về Công ty. Theo quy chế của Tổng Công ty B, nhân viên kinh doanh phải báo doanh số và nộp tiền phí bảo hiểm đã thu của khách hàng về Công ty chậm nhất là 30 ngày làm việc kể từ ngày cấp hợp đồng bảo hiểm cho khách hàng (*Đối với bảo hiểm xe máy*) hoặc ngày 10 của tháng sau (*Đối với các loại bảo hiểm khác*). Phạm Văn L được hưởng tiền công (*gồm lương, thưởng, công tác phí*) từ phí bảo hiểm đã thu của khách hàng theo tỷ lệ từng loại: Bảo hiểm TNDS xe máy là 76%; Bảo hiểm TNDS xe ô tô là 46%; Bảo hiểm vật chất xe ô tô là 24%. Từ ngày 01/7/2020 đến ngày 03/8/2022, tổng doanh số bán bảo hiểm L thu được là 2.004.409.638 đồng, L chỉ nộp 1.229.061.378 đồng, còn số tiền 775.348.260. Sau khi trừ tiền công theo quy định, số tiền còn lại là 401.357.123 đồng L tự ý sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Việc thu giữ tài liệu đồ vật, xử lý vật chứng:

Ngày 26/9/2022, Cơ quan điều tra khám xét và thu giữ tại nơi ở của Phạm Văn L tổng số 14 quyển “Giấy chứng nhận bảo hiểm kết hợp của chủ xe mô tô, xe máy” của Tổng Công ty cổ phần B. Trong đó có 02 quyển có đủ liên 1, liên 2 và 12 quyển chỉ có liên 2, không có liên 1.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, L đã tác động đến gia đình nộp tổng số tiền 719.120.236 đồng để khắc phục hậu quả cho các Công ty (*Trong đó trả Công ty B1 số tiền 287.763.113 đồng, trả Công ty B1 là 431.357.123 đồng – bao gồm cả số tiền 30.000.000 đồng đã tạm ứng trước đó*). Tổng Công ty B3 và Công ty B1 đã có đơn xin rút đơn tố cáo đối với L.

Cáo trạng số 87/CT-VKS-P3 ngày 19/6/2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên đã truy tố Phạm Văn L về tội Tham ô tài sản quy định tại điểm a khoản 3 Điều 353 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Phạm Văn L thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, ăn ăn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Đại diện bị hại Tổng Công ty cổ phần B2 (BSH) và đại diện Tổng Công ty cổ phần B đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, xác nhận gia đình bị cáo đã bồi thường khắc phục toàn bộ thiệt hại số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt và không có yêu cầu đề nghị gì thêm về phần trách nhiệm dân sự đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Chị An Thu H (vợ bị cáo L) xác nhận đã bồi thường khắc phục toàn bộ thiệt hại thay cho bị cáo, chị không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại số tiền mà chị đã bồi thường.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố Phạm Văn L phạm tội Tham ô tài sản.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn L từ 12 năm đến 12 năm 06 tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 26/9/2022.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tác động gia đình nộp tổng số tiền 719.120.236 đồng để khắc phục hậu quả (bao gồm cả số tiền 30.000.000 đồng bị cáo đã ứng trước của Công ty B1). Tổng Công ty cổ phần B2 (BSH) và Tổng Công ty cổ phần B đã nhận đủ số tiền bị thiệt hại, không yêu cầu đề nghị gì thêm. Do vậy không giải quyết về trách nhiệm dân sự.

Vật chứng: Lưu trong hồ sơ vụ án 14 quyển “Giấy chứng nhận bảo hiểm kết hợp của chủ xe mô tô, xe máy” của Tổng Công ty cổ phần B.

Bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện, do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Hành vi phạm tội của bị cáo:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của đại diện bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, cũng như căn cứ quá trình tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2019 đến tháng 8/2022, Phạm Văn L là nhân viên kinh doanh của Công ty B1 và Công ty B1, L có nhiệm vụ bán các loại phí bảo hiểm phi nhân thọ của các Công ty cho khách hàng, thu tiền và nộp về các Công ty theo quy định. Tuy nhiên, sau khi thu tiền của khách hàng, L đã không nộp đầy đủ khoản tiền đã thu của khách hàng về Công ty mà chiếm đoạt tiêu xài cá nhân tổng số tiền là 689.120.236 đồng (Trong

đó, chiếm đoạt của Tổng Công ty cổ phần B2 số tiền 287.763.113 đồng; Tổng Công ty cổ phần B số tiền 401.357.123 đồng).

Bản Cáo trạng số 87/CT-VKS - P3 ngày 19/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên đã truy tố bị cáo Phạm Văn L về tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 353 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo rất nghiêm trọng, xâm phạm đến hoạt động bình thường, đúng đắn của cơ quan tổ chức, gây ảnh hưởng xấu đến uy tín của Doanh nghiệp. Bị cáo là nhân viên kinh doanh của Công ty B1 và Công ty B1, bị cáo là người có nhiệm vụ, quyền hạn trong việc bán bảo hiểm, thu, quản lý phí và nộp phí bảo hiểm đã thu của khách hàng về Công ty theo quy định, nhưng bị cáo đã không nộp đầy đủ về các Công ty mà chiếm đoạt một phần để tiêu xài cá nhân dẫn tới không có khả năng thanh toán. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của Doanh nghiệp được pháp luật bảo vệ và xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của các Doanh nghiệp, gây mất trật tự trị an xã hội.

[4]. Đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản 02 lần, các lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm, do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “*Phạm tội 02 trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường khắc phục toàn bộ thiệt hại; các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo; bố đẻ bị cáo được Nhà nước tặng Huân chương chiến sỹ vẻ vang; bố mẹ vợ bị cáo được tặng nhiều Bằng khen, Giấy khen, H1 huy chương nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[5]. Hình phạt:

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tù có thời hạn và áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng, thể hiện sự hoan hồng của pháp luật cũng đủ tác dụng trừng phạt đối với bị cáo và răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

[6]. Về hình phạt bổ sung:

Bị cáo phạm tội với động cơ vụ lợi lẽ ra áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền nhưng xét thấy bị cáo chỉ là nhân viên kinh doanh theo Hợp đồng lao động, không có tài sản riêng, là lao động chính trong gia đình nên miễn áp dụng các hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7]. Trách nhiệm dân sự:

Bị cáo L đã chiếm đoạt tổng số tiền là 689.120.236 đồng. Chị An Thu H (vợ bị cáo) đã bồi thường toàn bộ số tiền 719.120.236 đồng cho các bị hại (bao gồm 30.000.000 đồng bị cáo đã tạm ứng trước đó của Công ty B1) và không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả. Các bị hại đã nhận đủ và không yêu cầu đề nghị gì thêm. Do vậy về trách nhiệm dân sự bị cáo đã bồi thường xong, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8]. Về vật chứng:

14 quyền “Giấy chứng nhận bảo hiểm kết hợp của chủ xe mô tô, xe máy” của Tổng Công ty cổ phần B. Trong đó có 02 quyền có đủ liên 1, liên 2 và 12 quyền chỉ có liên 2, không có liên 1. Đại diện Tổng Công ty cổ phần B không nhận lại nên tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án.

[9]. Án phí:

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn L phạm tội “Tham ô tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn L 12 (mười hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 26/9/2022.

[2]. Xử lý vật chứng :

Lưu trong hồ sơ vụ án 14 quyền “Giấy chứng nhận bảo hiểm kết hợp của chủ xe mô tô, xe máy” của Tổng Công ty cổ phần B. Trong đó có 02 quyền có đủ liên 1, liên 2 và 12 quyền chỉ có liên 2, không có liên 1.

[3]. Về án phí: Bị cáo Phạm Văn L phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn) án phí hình sự sơ thẩm.

[4]. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN -
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đăng Khoa

Nguyễn Tuấn Anh

Nguyễn Văn Hoan